

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày 28 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2019/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lê Duy T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2019 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 27/9/2017 ông T có mượn của ông (Nguyễn Việt S) số tiền là 11.000.000 đồng không có hạn thời gian thanh toán, có viết biên nhận và ký tên. Từ khi mượn nợ đến nay ông T chưa trả, ông có liên hệ đòi nhiều lần nhưng ông T cứ hẹn, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngày 16/8/2019, trong quá trình Tòa án giải quyết lần đầu, ông T có cam kết đến ngày 16/9/2019 sẽ trả lại cho ông số tiền 11.000.000 đồng và ông đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên cam kết mà không thực hiện, đến nay thời gian đã gần 02 tháng. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L (vợ ông T) phải trả số tiền còn nợ là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng). Ông yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 27/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là ông Lê Duy T có ý kiến trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Việt S. Hiện tại ông còn nợ lại ông Nguyễn Việt S số tiền 11.000.000 đồng, đồng ý trả theo yêu cầu của ông S. Do điều kiện khó khăn nên ông yêu cầu ông S không tính lãi suất từ ngày 27/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền 11.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L trả tiền mượn còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Duy T cùng bà Nguyễn Thị L.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Việt S xác định ông Lê Duy T có thỏa thuận mượn của ông số tiền là 11.000.000 đồng, các bên không có thỏa

thuận lãi suất và thời hạn trả. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã cho ông Lê Duy T mượn số tiền 11.000.000 đồng vào ngày 27/9/2017 đến nay ông Lê Duy T chưa trả. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp tờ giấy do ông Lê Duy T viết có nội dung mượn tiền ngày 27/9/2017 có nội dung bà Lê Duy T có mượn 11.000.000 (mười một triệu đồng) và có ghi ngày tháng năm, ký và ghi họ tên là Lê Duy T. Ngày 16/9/2019, ông Trinh có viết tờ cam kết nhận và cam kết trả nợ cho ông Sừ vào ngày 16/9/2019. Tuy nhiên ông T vẫn cố tình không trả nợ như nội dung đã cam kết. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Lê Duy T không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Từ đó, có đủ cơ sở xác định ông Lê Duy T có nợ ông Nguyễn Việt S số tiền trên nội dung tờ cam kết lập vào các ngày 27/9/2017, 16/9/2019 là 11.000.000 đồng.

[4]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Giữa ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L không có ý kiến, tranh chấp gì liên quan đến nghĩa vụ thanh toán. Do đó bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cùng với ông Lê Duy T.

Do ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S và buộc ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền mượn còn nợ là 11.000.000 đồng cho ông Nguyễn Việt S là có cơ sở.

[5]. Về yêu cầu tính lãi suất: Do điều kiện khó khăn nên ông Lê Duy T yêu cầu ông S không tính lãi suất từ ngày 27/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Việt S thay đổi nội dung khởi kiện, ông chỉ yêu cầu ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L trả cho ông số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất ông không yêu cầu ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L phải trả. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là phù hợp và có căn cứ, nên được chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L cùng phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 463, 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L cùng phải chịu 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019551 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA